

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 03/2022/HSST

Ngày: 17/01/2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H - Thẩm phán.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị O

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H1 – Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang V - Thư ký Tòa án.

Hôm nay, ngày 17/01/2022, tại Trụ sở TAND huyện K mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2021/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo: **Hoàng Thành Đ0**; Sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ1, huyện K, tỉnh H2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng T và bà Nguyễn Thị H3; Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ 2; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Tại bản án số 32/2015/HSST, ngày 22/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 40.000.000đ về tội “Đánh bạc”, bị cáo chưa thi hành hình phạt trên;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 01/2018/HSST, ngày 11/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình bản án ngày 18/01/2019;

Đ0 bị bắt tạm giam ngày 20/9/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh H2. (Có mặt tại phiên tòa)

***/ Những người bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963;

2. Ông Hoàng Việt H4, sinh năm 1953;

Đều trú tại: thôn Đ, xã Đ1, huyện, K, tỉnh H2 (Đều vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Tô Văn S, sinh năm 1989; Trú tại: thôn Đ, xã Đ1, huyện, K, tỉnh H2 (Vắng mặt).

***Những người làm chứng:**

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1952;

2. Ông Lê Văn H5, sinh năm 1964;

3. Anh Lưu Khương D, sinh năm 1990;

Đều trú tại: thôn Đ, xã Đ1, huyện, K, tỉnh H2 (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 14/9/2021, Hoàng Thành Đ0 đi bộ ra khu vực cánh đồng thôn Đ, xã Đ1, huyện K để cắt tia cây. Khi đến đoạn gần nghĩa trang của thôn, Đ0 phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO CUP, biển số 89AA – 031.29 của bà Nguyễn Thị T1 sinh năm 1963 ở thôn Đ dựng ở rìa đường. Quan sát không có ai trông coi, Đ0 nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe bán lấy tiền tiêu xài nên đi bộ đến gần chiếc xe mô tô, lấy chiếc kéo bằng kim loại mang theo từ trước cắt đứt các dây nối điện của ổ khóa xe để khởi động được xe mà không cần dùng chìa khóa. Sau đó Đ0 nổ máy rồi điều khiển xe đi vào trong khu vực nghĩa trang thôn Đ cất giấu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, do sợ bị người khác phát hiện hành vi trộm cắp xe của bà T1 nên Đ0 đã điều khiển chiếc xe mô tô đến dựng trước cổng trang trại của gia đình bà Nguyễn Thị G sinh năm 1962 ở thôn Đ. Sau đó Đ0 phủ chiếc bạt màu tím lên chiếc xe nhằm mục đích để người dân đi qua, phát hiện xe sẽ báo cho bị hại biết. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/9/2021 bà Nguyễn Thị T1 tìm được chiếc xe mô tô biển số 89AA – 031.29 nên đã trình báo Công an xã Đ1 giải quyết vụ việc. Công an xã Đ1 đã quản lý chiếc xe mô tô biển số 89AA – 031.29, sau đó chuyển toàn bộ tài liệu và vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường và yêu cầu định giá chiếc xe mô tô nêu trên. Tại bản kết luận định giá số 65 ngày 20/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: giá trị thị trường của chiếc xe mô tô biển số 89AA – 031.29 tại thời điểm ngày 14/9/2021 là 5.750.000đ.

Quá trình đấu tranh mở rộng vụ án xác định: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 28/9/2020 Đ0 rủ Tô Văn S sinh năm 1989 ở cùng thôn đi trộm cắp cây mộc của gia đình ông Hoàng Việt H4 sinh năm 1953 ở thôn Đ, xã Đ1 thì S đồng ý. Đ0 điều khiển chiếc xe mô tô Sirius biển số 36G1 – 274.66 chở S mang theo một chiếc kéo cắt cây và một chiếc dầm đánh cây đến nhà ông H4. Tại đây S đã dùng kéo cắt đứt một đoạn lưới B40 được hàn phía trên bức tường rào của gia đình ông H4 để Đ0 trèo qua tường rào vào vườn dùng dầm đào cây mộc rồi bê cây ra vị trí tường rào đưa cho S bên ngoài đỡ. Sau đó Đ0, S mang cây đến cất giấu tại nhà Lê Đình Tr sinh năm 1985 ở thôn D1, xã Đ1. Tại bản kết luận định giá số 67 ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận: trị giá của cây mộc tại thời điểm ngày 28/9/2020 là 3.000.000đ.

Về vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 89AA – 031.29 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T1 nên Cơ quan điều tra đã trao trả tài sản cho bà T1. Còn chiếc kéo và chiếc dầm mà Đ0 sử dụng là công cụ phạm tội, Đ0 khai đã vứt đi nhưng không rõ địa điểm nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để Tr tìm, thu giữ. Đối với chiếc xe mô tô đeo biển số 36G1-274.66 mà Đ0 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định xe mang tên Sinh A KH5, ở thôn 4, xã S1, huyện TC, tỉnh Đ2. Còn chiếc biển kiểm soát 36G1 – 274.66 được đăng ký tên chị Trần Thị T2 ở T7, xã N, huyện N1, tỉnh T3. Đ0 khai mua chiếc xe này của một người lạ mặt, không

rõ tên tuổi, địa chỉ. Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe mô tô và biên kiểm soát để tiếp tục xác minh nhưng chưa có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Hoàng Việt H4 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số: 119/QĐ-VKS – HS, ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã Tr tố Hoàng thành Đ0 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Quyết định Tr tố đối với bị cáo Đ0 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ0 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù tính từ ngày 20/9/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ0; Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

[2] Bị cáo Đ0 nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

[3] Những người bị hại là bà Nguyễn Thị T1 và ông Hoàng Việt H4, Những người làm chứng bà Nguyễn Thị G, ông Lê Văn H5, anh Lưu Khương D đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, Tr tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đ0 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, đơn trình báo và lời khai của người bị hại, kết luận định giá, lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người làm chứng là bà Nguyễn Thị G, ông Lê Văn H5, anh Lưu Khương D, vật chứng thu giữ được và phù hợp với tất cả các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 28/9/2020 đến ngày 14/9/2021, Hoàng Thành Đ0 đã thực hiện 02

hành vi trộm cắp. Hành vi trộm cắp 01 cây mộc trị giá 3.000.000đ của gia đình ông Hoàng Việt H4 sinh năm 1953; hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 89AA – 031.29 trị giá 5.750.000đ của bà Nguyễn Thị T1. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã Tr tố bị cáo Đ0 theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 116/QĐ-VKS – HS, ngày 30/11/2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng người bị hại là người quen có sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Hành vi của bị cáo cần pH5 bị xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4.1]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích đối với bản án số 32/2015 ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện K. Ngoài ra, từ ngày 28/9/2020 đến ngày 14/9/2021, bị cáo thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản và đều chưa bị xét xử, mỗi hành vi phạm tội nói trên đều cấu thành một tội phạm độc lập. Nên lần phạm tội này bị cáo Đ0 bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

[4.2]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; sau khi trộm cắp xe của bà T1 bị cáo thấy ăn năn hối cải nên mang xe đến cổng nhà bà G nhằm mục đích trả cho bà T1 là tự nguyện khắc phục hậu quả; cả hai lần trộm cắp đều gây thiệt hại không lớn. Nên bị cáo Đ0 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

[4.3]. Xét về nhân thân: Bị cáo Đ0 là người có nhân thân xấu, đua đòi. Từ năm 2015 cho đến nay bị cáo nhiều lần phạm tội, và cũng đã nhiều lần được giáo dục bằng pháp luật. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để nghiêm khắc sửa đổi bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” do lỗi cố ý, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó cải tạo. Nên cần pH5 cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Hoàng Việt H4 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo Đ0pH5 chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thành Đ0 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thành Đ002 (Hai) năm tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/9/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Thành Đ0.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đ0 pH5 chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2022) những người bị hại bà Nguyễn Thị T1, ông Hoàng Việt H4 có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh HY;
- VKSND huyện K/C
- Trại tạm giam CA tỉnh HY;
- CA huyện K/C.
- Chi cục THADS huyện K/C;
- UBND xã Đ1;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu H

- *Bị cáo; người bị hại; Người liên quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*